

Bản án số: 174/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/03/2018
V/v: tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Trọng Thắng

2/ Bà Nguyễn Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 712/2017/HNST ngày 08/11/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 1966 (có mặt)

Bị đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: 994/22A đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn bà Lê Thị R trình bày:

Bà và ông Lý Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1988, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 02/88, quyển số II đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/01/1988).

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T lười lao động, đam mê cờ bạc nên vợ chồng hay gây gổ... Bà R khuyên nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi, bà phải lo kinh tế gia đình nuôi dưỡng. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả mà vẫn tiếp tục chứng nào tật nấy. Đến năm 2013 ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, cả hai đã ly thân từ năm 2016 nên mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể khắc phục, thời gian ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với Lý Văn T để giải phóng cho nhau.

- Quá trình chung sống, bà R xác nhận có 02 con chung họ tên là:

1/ Lý Chiến T, sinh ngày 13/12/1990 (đã trưởng thành)

2/ Lý Đại L, sinh ngày 12/7/1995 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: bà xác định không có.

- Về nợ chung, nợ riêng: bà xác định không có.

Phía bị đơn ông Lý Văn T kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để ông T trình bày ý kiến nhưng đến thời điểm xét xử ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn ông T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe đương sự trình bày yêu cầu khởi kiện;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Từ khi Tòa thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Văn T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật triệu tập ông T nhưng ông liên tục vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Lý Văn T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do đương sự đã xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung khởi kiện:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 02/88, quyển số II đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/01/1988 Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị R và ông Lý Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tuy cuộc sống chung giữa ông T và bà R từng có thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó là cả quá trình mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, không chung thủy, không tôn trọng tình cảm vợ chồng và hai người đã có thời gian ly thân kéo dài. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, những nguyên nhân này là động cơ thúc đẩy bà R xin ly hôn ông T.

[4] Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà R ông T chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi hôn nhân thực tế không còn tồn tại, không đem lại hạnh phúc đích

thực cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà R.

[5] Về con chung: đã trưởng thành nên Tòa không xét.

[6] Xét trong quá trình chung sống bà R xác nhận: Giữa bà R và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, nợ riêng nên tòa không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị R là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 91; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Lý Văn T.

- Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị R được ly hôn với ông Lý Văn T.

2. Về con chung: Bà R xác nhận có 02 con chung họ tên là:

1/ Lý Chiến T, sinh ngày 13/12/1990 (đã trưởng thành)

2/ Lý Đại L, sinh ngày 12/7/1995 (đã trưởng thành)

3. Về tài sản chung: bà R xác nhận không có.

4. Về nợ chung, nợ riêng: bà R xác nhận không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0024578 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà R đã nộp đủ.

6. Án xử công khai, tại thời điểm tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Bà Lê Thị R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Lý Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (TK Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thủy